

Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N** – Sinh năm 1994

Trú tại: Bản Sảng, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CMND: 174991048, cấp ngày 20/01/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh **Vi Văn H** – Sinh năm 1987

Trú tại: Bản Sảng, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CCCD: 038087015912, cấp ngày 09/5/2019; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Căn cứ vào điều 28, điều 35, điều 146, điều 147, điều 212, điều 213, điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 147, điều 148 và điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 88, điều 107, điều 110, điều 115, điều 116, điều 117, điều 118 và điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 3; điều 6; khoản 7 điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị N, sinh năm 1994 và anh Vi Văn H, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Vi Văn H thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất có 01 con chung, tên cháu là Vi Thị Ngọc Á, sinh ngày 06/8/2012, hiện cháu đang ở với anh Vi Văn H, cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Trong quá trình giải quyết vụ án thì cháu Vi Thị Ngọc Á đã có bản trình bày ý kiến về nguyện vọng muốn được ở với bố là Vi Văn H. Chị Lò Thị N và anh Vi Văn H thống nhất, giao cháu Vi Thị Ngọc Á cho anh Vi Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Lò Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và chị Lò Thị N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận và thống nhất, chị Lò Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn H mỗi tháng là 1.000.000^d (Một triệu đồng chẵn); Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu Vi Thị Ngọc Á trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vi Văn H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị N và anh Vi Văn H đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình.

đình sơ thẩm; chị Lò Thị N tự nguyện nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án HNGĐ. Chấp nhận chị Lò Thị Ng đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GĐ sơ thẩm và 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004287 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Lò Thị N được nhận lại 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Vi Văn H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Lò Thị N;
- Bị đơn Vi Văn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Tiến Dũng**